TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2022
V/v: Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Thuận.

2. Bà Lê Thị Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 08/2022/TB-TA ngày 15/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Nam G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà xxxxx đường ĐH, phường ĐC, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tiểu khu TC x, thị trấn NC, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị G, vắng mặt anh L (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và bản tự khai ngày 24/02/2022, nguyên đơn chị Lê Nam G trình bày:

Về hôn nhân: Chị G và anh Bùi Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/7/2003 tại UBND phường ĐC, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 8/2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên chị đã đem con về nhà ngoại ở. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị G và anh L có 02 con chung là Bùi Thùy L1, sinh ngày 04/02/2004 và Bùi Thùy A, sinh ngày 10/11/2006. Nguyện vọng của chị G khi ly hôn xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Nam G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Bùi Thùy A và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Bùi Thùy L1 đã thành niên nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Bùi Văn L:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Bùi Văn L. Nhưng trong thời hạn quy định anh L không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

Tại Biên bản xác minh ngày 30 tháng 3 năm 2022, chị Bùi Thị V - Em gái của anh Bùi Văn L trình bày: Chị Lê Nam G và anh Bùi Văn L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/7/2003 tại UBND phường ĐC, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh L có thời gian làm ăn bị thua lỗ, chơi bời và không quan tâm đến vợ con. Cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị G và anh L sống ly thân từ năm 2009 đến nay.

Hiện nay anh L không có mặt tại địa phương, đi làm ở tỉnh Tây Ninh. Gia đình chị chỉ liên lạc với anh L qua điện thoại. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án chị đã thông báo ngay lại cho anh L biết. Do anh L đi làm xa, không về Tòa án để làm việc được nên anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa. Quan điểm của anh L: Về hôn nhân anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh L và chị G có 02 con chung là Bùi Thùy L1, sinh ngày

04/02/2004 và Bùi Thùy A, sinh ngày 10/11/2006. Nguyện vọng của chị G khi ly hôn xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

** Về tố tụng:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với anh L chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Về hôn nhân: Anh L và chị G kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐC, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian sống chung thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị G được ly hôn anh L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Thùy A cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu Bùi Thùy L1 đã đến tuổi thành niên nên và có khả năng lao động nên không phải xem xét đến việc chăm sóc sau khi ly hôn. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Lê Nam G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Bùi Văn L có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu TC x, thị trấn NC, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Lê Nam G yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn L vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành được phiên hòa giải giữa chị Lê Nam G và anh Bùi Văn L thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 14/4/2022 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Bùi Văn L, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Bùi Văn L, tuy nhiên anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Chị Lê Nam G và anh Bùi Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường ĐC, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/7/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận bình thường đến tháng 8 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thùy L1, sinh ngày 04/02/2004 và Bùi Thùy A, sinh ngày 10/11/2006. Nguyện vọng của chị G sau khi ly hôn là được nuôi cháu Bùi Thùy A và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Cháu Bùi Thùy L1 đã thành niên, có khả năng lao động nên không phải chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của chị G và anh L thấy rằng:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Nam G và anh Bùi Văn L dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

- Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Văn L. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống

chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị G và anh L có 02 con chung là Bùi Thùy L1, sinh ngày 04/02/2004 và Bùi Thùy A, sinh ngày 10/11/2006. Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, chị G đều có nguyện vọng nuôi con Bùi Thùy A và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Cháu Bùi Thùy L1 đã thành niên, có khả năng lao động nên không phải chăm sóc.

Về phía anh L đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trong thời hạn quy định anh L không nộp văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không đến Tòa án để làm việc và không có mặt tại phiên tòa.

Xét yêu cầu của chị G thấy rằng: Hiện nay 2 cháu Bùi Thùy L1 và cháu Bùi Thùy A đang ở với chị G và đều có nguyện vọng xin được ở với chị G. Cháu Bùi Thùy L1 đã đến tuổi thành niên, cháu Bùi Thùy A chưa đến tuổi thành niên. Vì vậy, cần giao cháu Bùi Thùy A cho chị G trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Chị Lê Nam G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lê Nam G được ly hôn anh Bùi Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thùy A, sinh ngày 10/11/2006 cho chị Lê Nam G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Nam G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0006807 ngày 14/02/2022 của Chi cục THADS Nông Cống (chị G đã nộp đủ án phí).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị G, vắng mặt anh L. Chị G có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND phường ĐC, TPTH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Võ Kỳ Anh